

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1567/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Nhất Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Võ Minh Tiễn – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 234/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Thúy K, sinh năm: 1983;

Thường trú: Đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1979;

Thường trú: Đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Võ Thị Thúy K có đơn xét xử vắng mặt, ông Phạm Hữu T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn của bà Võ Thị Thúy K và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

**Nguyên đơn bà Võ Thị Thúy K trình bày:** Bà K và ông Phạm Hữu T kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/05/2006. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ và không thống nhất được cách giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm kéo dài trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

+Về con chung: có 03 con chung tên Phạm Võ Đại N, sinh ngày 10/3/2013, Phạm Võ Đại L, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Thị Mai L, sinh ngày 16/7/2008. Bà K yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự chung khác: Không có.

**Bị đơn ông Phạm Hữu T:** bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Thúy K có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Hữu T vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Võ Thị Thúy K có yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Hữu T cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là bà Võ Thị Thúy K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Phạm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Phạm Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/05/2006, cùng lời khai của bà Võ Thị Thúy K về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Võ Thị Thúy K và ông Phạm Hữu T là hôn nhân hợp pháp.

Bà Võ Thị Thúy K có yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hữu T vì giữa bà và ông T trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ngoài ra theo bản tự khai của bà K thì hai vợ chồng thường xuyên gây gổ và không thống nhất được cách giải quyết, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Đối với ông Phạm Hữu T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông đến Tòa án để làm việc nhưng ông không đến Tòa án và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Võ Thị Thúy K.

Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Thúy K và ông Phạm Hữu T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đồng thời ông T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu và những nội dung mà bà K đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nên việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Bà K và ông T có 03 con chung tên Phạm Võ Đại N, sinh ngày 10/3/2013, Phạm Võ Đại L, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Thị Mai L, sinh ngày 16/7/2008. Theo bản ghi nhận ý kiến của trẻ ngày 28/04/2022 cả 03 trẻ Phạm Võ Đại N, Phạm Võ Đại L và Phạm Thị Mai L yêu cầu được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho bà K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự chung khác: bà K khai không có.

- Về án phí sơ thẩm: bà Võ Thị Thúy K phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với quy định của pháp luật nên thống nhất

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thúy K đối với ông Phạm Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/05/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Phạm Võ Đại N, sinh ngày 10/3/2013, Phạm Võ Đại L, sinh ngày 18/11/2014 và Phạm Thị Mai L, sinh ngày 16/7/2008. Giao 03 con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, việc nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung: bà K yêu cầu tự thỏa thuận.

5. Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự chung khác: bà K khai không có.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Võ Thị Thúy K phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà K đã nộp theo biên lai thu số 0033633 ngày 18/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Thúy K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Bình Tân;
- TAND, VKSND TP.HCM;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Nhất Bình**